

Số: **2394**/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **11** tháng **11** năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về tổ chức, quản lý quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 /11/2008;

Căn cứ Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 08/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt đề án phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giai đoạn 2012 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải HKCC trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở GTVT tại Tờ trình số 1568/TTr-SGTVT ngày 22 tháng 10 năm 2014 về việc ban hành quy định về tổ chức, quản lý quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về tổ chức, quản lý quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao Du Lịch, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Đại học Huế; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- VP: CVP các PCVP;
- Lưu: VT, GT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ



QUY ĐỊNH

Về tổ chức, quản lý quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2394** /QĐ-UBND ngày **11** tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng, phân công quản lý

- Quy định này hướng dẫn việc tổ chức quản lý quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê tại Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

- Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động vận tải hành khách công cộng và tham gia vào hoạt động quản quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đều phải thực hiện theo đúng Quy định này;

- Cơ quan quản lý quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 là Sở Giao thông vận tải giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc quản lý hoạt động xe buýt theo đúng Quy định này.

Ngoài những quy định trong quyết định này, việc quản lý hoạt động xe buýt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật Nhà nước có liên quan.

Điều 2. Quy định về từ ngữ sử dụng trong quản lý quy hoạch

1. Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: Là hoạt động vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định có các điểm dừng đón, trả khách và xe chạy theo biểu đồ vận hành.

2. Tuyến xe buýt: Là tuyến vận tải hành khách cố định bằng ô tô, có điểm đầu, điểm cuối và các điểm dừng đón, trả khách theo quy định.

a) Tuyến xe buýt đô thị: Là tuyến xe buýt có điểm đầu, điểm cuối tuyến trong đô thị;

b) Tuyến xe buýt nội tỉnh: Là tuyến xe buýt hoạt động trong phạm vi tỉnh nội các thành phố, thị xã, huyện, khu công nghiệp, khu du lịch;

c) Tuyến xe buýt kế cận: Là tuyến xe buýt có lộ trình đi từ các tỉnh đến các tỉnh thành phố trực thuộc TƯ kế cận (điểm đầu, điểm cuối và lộ trình của một tuyến không vượt quá 2 tỉnh, thành phố);

d) Ngoài các tuyến xe buýt có chế độ chạy xe thông thường nêu tại Điểm a, b, c Khoản này, còn có các tuyến xe buýt có chế độ chạy xe được quy định riêng như sau:

- Tuyến chạy nhanh: Là tuyến xe chạy suốt từ điểm đầu đến điểm cuối tuyến hoặc chỉ dừng một số điểm dừng, nhà chờ trên tuyến;

- Tuyến xe buýt được chạy trên làn đường dành riêng hoặc ưu tiên.

3. Xe buýt: Là xe ô tô chở hành khách có sức chứa từ 17 hành khách trở lên và có diện tích sàn xe dành cho hành khách đứng (diện tích dành cho 1 hành khách đứng là $0,125m^2$) theo QCVN 10: 2011/BGTVT của Bộ GTVT.

4. Điểm dừng xe buýt: Là những vị trí xe buýt phải dừng để đón hoặc trả khách theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Điểm đầu, điểm cuối của tuyến xe buýt: Là nơi bắt đầu, kết thúc của một hành trình xe chạy trên một tuyến.

6. Kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: Ngoài hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho việc hoạt động của các phương tiện cơ giới và người đi bộ còn có: Nhà ga hành khách, đầu mối trung chuyển xe buýt theo quy hoạch, làn đường xe buýt hoạt động, đường dành riêng, đường ưu tiên cho xe buýt, điểm đầu, điểm cuối, trạm trung chuyển xe buýt, điểm dừng, nhà chờ xe buýt, biển báo và các vạch dừng xe buýt tại các điểm dừng, bãi đỗ dành cho xe buýt, bãi giữ xe cho hành khách đi xe buýt và các công trình phụ trợ khác phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

7. Biểu đồ chạy xe trên một tuyến: Là tổng hợp các lịch trình chạy xe của các chuyến xe tham gia vận chuyển trên tuyến trong một thời gian nhất định.

8. Người khuyết tật là những người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn.

9. Lệnh vận chuyển: Là chứng từ để ghi chép hành trình, lịch trình chạy xe theo từng chuyến.

10. Doanh nghiệp vận tải tham gia khai thác tuyến xe buýt là doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã có chức năng kinh doanh VTHKCC bằng xe buýt theo quy định.

Phần II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định về quản lý kinh phí thực hiện quy hoạch vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Ưu tiên bố trí vốn Ngân sách nhà nước cho công tác lập, điều chỉnh và thực hiện quản lý quy hoạch xe buýt.

2. Bảo đảm nguồn kinh phí để nâng cao chất lượng công tác lập, điều chỉnh quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch. Trong đó, đối với công tác lập, điều chỉnh quy hoạch phải đảm bảo các chỉ tiêu: tỷ lệ đảm nhận của xe buýt, quỹ đất phục vụ xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng xe buýt, điều kiện kết nối về kết cấu hạ tầng hỗ trợ phục vụ xe buýt với các phương thức khác, xác định tỷ lệ phương tiện sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường.

Điều 4. Quy định về quản lý mở tuyến xe buýt

Thực hiện theo điều 5, Nghị định 86/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/09/2014 về Kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô.

Điều 5. Thông tin trên xe buýt

1. Trên xe có trang bị bình chữa cháy, dụng cụ thoát hiểm.

2. Niêm yết:

a) Niêm yết bên ngoài xe:

Phía trên kính trước và sau xe: số hiệu tuyến, điểm đầu, điểm cuối của tuyến;

Bên phải thành xe: số hiệu tuyến; giá vé và số điện thoại của doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Niêm yết bên trong xe: số hiệu tuyến; sơ đồ vị trí điểm đầu, điểm cuối và các điểm dừng dọc tuyến; giá vé; số điện thoại đường dây nóng; trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và hành khách.

c) Số lượng và cách bố trí ghế ngồi, chỗ đứng trong xe phải đảm bảo đúng theo thiết kế hợp pháp.

3. Có phù hiệu "XE BUÝT" theo mẫu quy định của Bộ GTVT.

4. Đăng ký màu sơn đặc trưng: theo quy định của Bộ GTVT và UBND tỉnh.

Điều 6. Quản lý, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt gồm: đường dành riêng cho xe buýt, điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng, biển báo, nhà chờ, điểm trung chuyển, bãi đỗ xe:

a) Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc xã hội hóa.

b) Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt.

2. Quy định kỹ thuật

a) Điểm đầu, điểm cuối của tuyến xe buýt

- Có đủ diện tích cho xe buýt quay trở, đỗ xe chờ đảm bảo an toàn giao thông; ưu tiên bố trí điểm đầu, điểm cuối tuyến xe buýt tại các bến xe khách, nhà ga, bến cảng, sân bay để kết nối với các phương thức vận tải khác;

- Có bảng thông tin các nội dung: tên tuyến; số hiệu tuyến; hành trình; tần suất chạy xe; thời gian hoạt động trong ngày của tuyến; số điện thoại của cơ quan quản lý tuyến và doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia khai thác tuyến;

- Có nhà chờ cho hành khách.

b) Điểm dừng xe buýt:

- Khu vực xe buýt dừng đón, trả khách được báo hiệu bằng biển báo và vạch sơn kẻ đường theo quy định; trên biển báo hiệu phải ghi số hiệu tuyến, tên tuyến (điểm đầu - điểm cuối), hành trình của các tuyến xe buýt dừng tại vị trí đó;

- Tại các điểm dừng xe buýt trong đô thị nếu có bề rộng hè đường từ 05 (năm) mét trở lên và ngoài đô thị nếu có bề rộng lề đường từ 2,5m trở lên phải xây dựng nhà chờ xe buýt.

c) Nhà chờ xe buýt:

- Sở Giao thông vận tải quy định mẫu nhà chờ xe buýt;

- Tại nhà chờ xe buýt phải niêm yết các thông tin: số hiệu tuyến, tên tuyến, hành trình, tần suất chạy xe, thời gian hoạt động trong ngày của tuyến, số điện thoại cơ quan quản lý tuyến, bản đồ hoặc sơ đồ mạng lưới tuyến.

3. Điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt phải được xây dựng đảm bảo thuận tiện cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

Điều 7. Trung tâm quản lý, điều hành VTHKCC bằng xe buýt

Thành lập Trung tâm Quản lý-Điều hành VTHKCC trong giai đoạn từ 2015-2017;

Điều 8. Quyền hạn, trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt

1. Đeo thẻ tên, mặc đồng phục theo đúng mẫu doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký với Sở Giao thông vận tải.

2. Thực hiện đúng biểu đồ chạy xe đã được phê duyệt.

3. Cung cấp thông tin về hành trình tuyến, các điểm dừng trên tuyến khi hành khách yêu cầu; hướng dẫn và giúp đỡ hành khách (đặc biệt là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ) khi lên, xuống xe.

4. Có quyền từ chối vận chuyển đối với hành khách không tự kiểm soát được hành vi, gây mất an ninh, trật tự, an toàn trên xe; có quyền từ chối vận chuyển hàng cấm, hàng dễ cháy, nổ, hàng có mùi hôi tanh hoặc động vật sống.

Phần III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 9. Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phê duyệt

a) Mô hình tổ chức hoạt động xe buýt.

b) Quy hoạch, phát triển mạng lưới tuyến xe buýt.

c) Các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, khung giá vé, các chính sách miễn giảm giá vé cho hoạt động xe buýt.

2. Ban hành các chính sách ưu đãi trong hoạt động xe buýt.

3. Chấp thuận chủ trương về sử dụng nguồn vốn nhằm phục vụ các hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, quyết định mức trợ giá xe buýt từ ngân sách nhà nước.

4. Thống nhất với Bộ Giao thông vận tải trước khi chấp thuận cho phép hoạt động các tuyến xe buýt có điểm đầu hoặc điểm cuối nằm trong khu vực cảng hàng không.

Điều 10. Sở Giao thông vận tải

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về hoạt động xe buýt trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung tại Điều 9 của Quy định này.

2. Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra việc triển khai thực hiện quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Hàng năm, báo cáo Bộ GTVT kết quả thực hiện và đề xuất những biện pháp nhằm phát triển VTHKCC bằng xe buýt;

3. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc đấu thầu, chỉ định thầu, đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện ký hợp đồng khai thác tuyến với các doanh nghiệp, hợp tác xã trúng thầu hoặc được đặt hàng. Trong hợp đồng phải thể hiện rõ phương án khai thác tuyến trúng thầu, bao gồm: tên tuyến, số hiệu tuyến, nhãn hiệu xe, sức chứa của xe, giá vé, biểu đồ chạy xe trên tuyến, thời hạn hợp đồng.

5. Quyết định điều chỉnh một phần hoặc toàn bộ biểu đồ chạy xe trên tuyến

xe buýt nội tỉnh; doanh nghiệp hợp tác xã điều chỉnh phương án khai thác tuyến tương ứng với biểu đồ mới điều chỉnh; Sở Giao thông vận tải và doanh nghiệp, hợp tác xã ký, đóng dấu xác nhận phương án khai thác mới là một phần của hợp đồng khai thác tuyến. Quyết định điều chỉnh biểu đồ chạy xe được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất 10 (mười) ngày trước khi thực hiện.

6. Quyết định dừng hoạt động đối với các tuyến xe buýt không hiệu quả và không theo quy hoạch, Quyết định các tuyến xe buýt có chế độ chạy xe trên làn đường riêng sau khi có văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Quyết định danh mục, vị trí cụ thể của kết cấu hạ tầng mỗi tuyến xe buýt; quyết định chọn phối cảnh và duyệt thiết kế - dự toán mẫu biển báo, nhà chờ.

8. Chủ trì nghiên cứu, đề xuất, trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo hạ tầng giao thông phục vụ vận tải hành khách công cộng theo đúng quy định.

9. Công bố các trường hợp ưu tiên trong lưu thông của xe buýt trên từng tuyến đường cụ thể; ban hành nội quy đi xe buýt;

10. Công bố giá vé cụ thể cho từng tuyến xe buýt trên cơ sở khung giá vé đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

11. Giám sát chất lượng hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt đối với doanh nghiệp vận tải và Trung tâm Quản lý - Điều hành VTHKCC.

12. Thống nhất với các Sở Giao thông vận tải có liên quan trong việc công bố mở, điều chỉnh, dừng hoạt động đối với tuyến xe buýt liền kề.

13. Quản lý Quỹ phát triển vận tải hành khách công cộng của tỉnh (nếu có).

14. Phối hợp với Sở Tài chính ban hành Quy chế kiểm tra, kiểm soát chi tiền trợ giá cho hoạt động xe buýt thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải.

15. Tham mưu cho UBND tỉnh quy định màu sơn đặc trưng xe buýt.

16. Ban hành quy định về việc cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình theo mô hình dữ liệu được tập trung từ thiết bị giám sát hành trình về máy chủ Trung tâm Quản lý - Điều hành VTHKCC phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát và quản lý hoạt động xe buýt theo quy định.

17. Ban hành quy định về kiểm tra và đối chiếu số chuyến thực hiện để thanh quyết toán trợ giá đối với các tuyến xe buýt áp dụng hình thức giám sát hoạt động xe buýt qua thiết bị giám sát hành trình, sau khi hệ thống đã được thử nghiệm và hoàn chỉnh đưa vào sử dụng chính thức trên cơ sở thống nhất với Sở Tài chính và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương.

18. Phối hợp với Sở Tài chính và Sở, Ngành liên quan ban hành quy trình

triển khai áp dụng thẻ thông minh thay cho vé giấy trên cơ sở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua phương án triển khai thực hiện.

19. Quyết định mở, ngừng hoạt động, bổ sung, thay thế xe, điều chỉnh hành trình, tần suất chạy xe đối với các tuyến xe buýt, sau khi có văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

20. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính và các ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho hoạt động của xe buýt tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia kinh doanh khai thác có hiệu quả.

Điều 11. Sở Tài chính

1. Thẩm định và thông báo thẩm định quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải lập đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt; xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn tỉnh.

3. Thống nhất với Sở Giao thông vận tải ban hành quy định về kiểm tra và đối chiếu số chuyến thực hiện để thanh quyết toán trợ giá đối với các tuyến xe buýt áp dụng hình thức giám sát hoạt động xe buýt qua thiết bị giám sát hành trình và quy trình triển khai áp dụng thẻ thông minh thay cho vé giấy.

4. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng các nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động xe buýt theo quy định.

Điều 12. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì giúp UBND tỉnh trong việc kêu gọi đầu tư, xây dựng các giải pháp tìm nguồn vốn đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở GTVT bố trí kế hoạch vốn ngân sách hàng năm để thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh theo đúng quy hoạch.

3. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện quy định về đấu thầu áp dụng cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

1. Phối hợp và hỗ trợ Sở Giao thông vận tải trong công tác tổ chức, quản lý hoạt động xe buýt và xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Ưu tiên bố trí quỹ đất dùng để xây dựng hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt.

3. Quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của các hợp tác xã kinh doanh vận

tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Quản lý - Điều hành VTHKCC

1. Thời gian và lộ trình thành lập: Năm 2015-2017

2. Trung tâm Quản lý - Điều hành VTHKCC là cơ quan quản lý tuyến xe buýt, có trách nhiệm trình Sở Giao thông vận tải:

a) Kế hoạch hàng năm về phát triển hoạt động xe buýt, bao gồm sản lượng, phương tiện, luồng tuyến, trợ giá, điều chỉnh giá vé, đấu thầu, đặt hàng khai thác tuyến xe buýt và các dịch vụ liên quan đến hoạt động xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, kiểm tra trên tuyến, thông tin tuyên truyền, doanh nghiệp vận tải tham gia khai thác tuyến.

b) Các danh mục vị trí cụ thể của kết cấu hạ tầng mỗi tuyến xe buýt; phối cảnh và mẫu thiết kế - dự toán biển báo, nhà chờ.

c) Các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động xe buýt trên địa bàn tỉnh.

d) Phương án mở mới tuyến, dừng hoạt động tuyến và điều chỉnh các thông số liên quan đến hoạt động của tuyến xe buýt: Lộ trình, điểm đầu cuối tuyến, chủng loại phương tiện, số lượng xe kể cả xe dự phòng cần cho mỗi tuyến xe buýt, số chuyến xe hoạt động trong ngày.

đ) Đình chỉ khai thác tuyến xe buýt của doanh nghiệp vận tải có hành vi vi phạm nghiêm trọng quy định hiện hành về hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt.

e) Nội quy khai thác tuyến xe buýt, hoạt động đưa rước học sinh, sinh viên theo hình thức hợp đồng có trợ giá và đưa rước công nhân theo tuyến trình Sở Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt định kỳ hàng năm hoặc theo giai đoạn để phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Trung tâm Quản lý - Điều hành VTHKCC có quyền:

a) Tham mưu cho lãnh đạo Sở GTVT quyết định thay đổi biểu đồ chạy xe từng tuyến xe buýt.

b) Tham mưu cho lãnh đạo Sở GTVT quyết định điều chỉnh các thông số liên quan đến tuyến xe buýt trong các trường hợp sau đây:

Thay đổi tạm thời lộ trình hoạt động của từng tuyến trong thời gian sửa chữa cầu, đường giao thông, tiến hành thử nghiệm phân luồng giao thông;

Thay đổi thời gian hoạt động trong ngày của tuyến xe buýt cho phù hợp với nhu cầu đi lại;

Tăng giảm chuyến xe theo nhu cầu đi lại trong những ngày lễ, tết, các ngày khai giảng, thi tuyển các cấp.

c) Tổ chức đấu thầu chọn doanh nghiệp vận tải khai thác tuyến. Ký hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt với các doanh nghiệp vận tải khai thác tuyến xe buýt theo phân bổ dự toán chi ngân sách đặt hàng dịch vụ cung ứng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; tổ chức kiểm tra việc thực hiện hợp đồng và thực hiện những thỏa thuận trong hợp đồng đặt hàng.

d) Định kỳ hàng năm và đột xuất, tiến hành kiểm tra điều kiện hoạt động của doanh nghiệp vận tải khi tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và giám sát công tác cấp phát tiền trợ giá tại các doanh nghiệp vận tải theo quy định; kiểm tra tiêu chuẩn các xe buýt.

đ) Quyết định kế hoạch, loại hình công tác thông tin, tuyên truyền cho hoạt động xe buýt.

e) Quản lý hoạt động khai thác các tuyến xe buýt để đảm bảo mạng lưới xe buýt hoạt động theo đúng biểu đồ. Có quyền điều động đột xuất các xe buýt để giải tỏa các ách tắc, thiếu xe đột biến trong mạng lưới xe buýt.

g) Thống kê, báo cáo kết quả thực hiện vận chuyển hành khách công cộng theo định kỳ.

h) Tổ chức khảo sát, đo đếm, thống kê kết quả và dự báo nhu cầu đi lại của hành khách trên mạng lưới xe buýt. Thuê tư vấn nghiên cứu, đề xuất việc điều chỉnh luồng tuyến khi có yêu cầu.

i) Làm đầu mối tiếp nhận, kiểm tra và thanh quyết toán tiền trợ giá cho các doanh nghiệp vận tải hoặc các đầu mối xe buýt theo quy định. Xác nhận, tái xác nhận kết quả vận chuyển các hoạt động vận chuyển xe buýt, làm cơ sở cho báo cáo thống kê, thanh quyết toán trợ giá. Đôn đốc, hướng dẫn các doanh nghiệp vận tải báo cáo quyết toán trợ giá xe buýt theo đúng thời gian quy định.

k) In, phân phối và kiểm tra lệnh vận chuyển của các doanh nghiệp vận tải tham gia khai thác tuyến xe buýt đối với các tuyến xe buýt có trợ giá.

l) Tổ chức triển khai việc thực hiện nội quy đi xe buýt.

m) Làm chủ đầu tư các dự án sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới và quản lý kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; tổ chức thực hiện công tác duy tu, sửa chữa các kết cấu hạ tầng này; tổ chức, quản lý các bến bãi giữ xe miễn phí cho hành khách đi xe buýt.

n) Theo dõi quá trình hành nghề của lái xe và nhân viên phục vụ trên xe buýt trên địa bàn tỉnh. Xử lý và ra thông báo rộng rãi đến các doanh nghiệp vận tải danh sách các lái xe và nhân viên phục vụ trên xe buýt vi phạm quy định về hoạt động xe buýt trên cơ sở hợp đồng khai thác tuyến xe buýt; trao đổi với doanh nghiệp vận tải quản lý lái xe và nhân viên phục vụ trên xe buýt vi phạm về các trường hợp cần làm rõ sự việc trước khi tiến hành xử lý.

o) Tổ chức các kênh thông tin trực tuyến để vận động nhân dân đi xe buýt, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc hoặc các phản hồi của hành khách đi xe buýt.

p) Tổ chức họp định kỳ với các doanh nghiệp vận tải để giải quyết các khó

khăn, vớng mắc.

q) Theo dõi, kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả giải quyết phản ánh của các doanh nghiệp vận tải.

r) In ấn, quản lý, phát hành và thanh toán tiền vé xe buýt bán trước thu lại trên tuyến theo quy định; ngoài ra còn phát hành thẻ ưu tiên cho hành khách theo quy định.

s) Khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của các doanh nghiệp vận tải phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm, phục vụ việc hậu kiểm và tổng hợp báo cáo theo quy định.

4. Có trách nhiệm đảm bảo các cơ sở hoạt động trên tuyến bao gồm có đầy đủ kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên tuyến; các kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải có đầy đủ thông tin và thông tin kịp thời khi có điều chỉnh, thay đổi cho người dân và cho các doanh nghiệp vận tải; chịu trách nhiệm nếu để xảy ra sự cố về việc thiếu thông tin trên tuyến;

5. Phối hợp với đơn vị liên quan (nếu có) để tổ chức thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường tại các điểm đầu, điểm cuối tuyến, điểm dừng, nhà chờ, điểm trung chuyển, bãi đỗ xe phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

6. Xây dựng quy hoạch và đề xuất điều chỉnh quy hoạch phát triển VTHKCC bằng xe buýt trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phần IV

QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC DOANH NGHIỆP

Điều 15. Đăng ký hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Các doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải khi muốn khai thác tuyến xe buýt phải đăng ký với cơ quan quản lý tuyến để được hướng dẫn thủ tục, kiểm tra năng lực và điều kiện tham gia.

Điều 16. Điều kiện tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Doanh nghiệp phải có đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 13, Khoản 2 của Điều 15, Điều 16 của Nghị định 86/ ND-CP ngày 10/09/2014.

Điều 17. Quyền lợi và trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải

1. Được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với hoạt động xe buýt theo quy định của UBND tỉnh.

2. Áp dụng các biện pháp để tổ chức, thực hiện đúng phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô đã được chấp thuận.

3. Định kỳ hàng năm, tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ vận tải, an toàn giao thông và đạo đức nghề nghiệp cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe theo chương trình khung do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành.

4. Lập sổ để theo dõi, quản lý việc sử dụng phù hiệu, lệnh vận chuyển của đơn vị; ghi thông tin trên lệnh vận chuyển và cấp cho lái xe theo quy định.

5. Lập kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông trong hoạt động vận tải của đơn vị, thực hiện kiểm tra, giám sát, thống kê, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch.

6. Phải thanh toán lại tối thiểu 90% tiền vé cho hành khách đã mua vé nhưng từ chối chuyến đi trước khi xe khởi hành ít nhất 02 (hai) giờ; thanh toán lại tối thiểu 70% tiền vé cho hành khách đã mua vé nhưng từ chối chuyến đi trước khi xe khởi hành ít nhất 30 (ba mươi) phút.

7. Chịu trách nhiệm khi phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe của đơn vị vi phạm chở quá trọng tải hoặc quá số người theo quy định; vi phạm các quy định khác trong hoạt động vận tải.

8. Trang bị đồng phục và thẻ tên cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe; thẻ tên phải được dán ảnh có đóng dấu giáp lai của đơn vị, ghi rõ họ tên, đơn vị quản lý.

9. Trách nhiệm khác thực hiện theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.

Phần V

QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

Điều 18. Quyền lợi và trách nhiệm của hành khách

1. Được mang theo hành lý xách tay nặng không quá 10 (mười) kg và kích thước không quá 30x40x60 (cm);

2. Chấp hành các quy định khi đi xe và sự hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

3. Yêu cầu nhân viên phục vụ trên xe xuất vé đúng loại sau khi trả tiền; giữ vé suốt hành trình và xuất trình vé khi người có thẩm quyền yêu cầu kiểm tra.

4. Được khiếu nại, kiến nghị, phản ánh những hành vi vi phạm quy định về quản lý vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có).

5. Quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.

Điều 19. Cơ chế chính sách trợ giá vé cho người đi xe buýt

1. Khuyến khích mọi người dân tham gia sử dụng dịch vụ xe buýt và đảm bảo quyền lợi của người dân khi đi xe buýt được hưởng mức giá vé phù hợp thông qua trợ giá từ ngân sách nhà nước.

2. Hỗ trợ giá vé đi xe buýt cho các đối tượng sau:

Các đối tượng như: Người khuyết tật, trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi, học sinh, sinh viên khi đi xe buýt được hỗ trợ, ưu đãi giá vé theo quy định.

Phần VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Quy định về tính pháp lý

Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý hoạt động xe buýt đảm bảo theo đúng đề án quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Quy định này là cơ sở để các cơ quan quản lý Giao thông vận tải, Kế hoạch đầu tư, Tài chính của tỉnh xây dựng Quy chế quản lý quy hoạch xe buýt và quản lý đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt, cấp phép xây mở tuyến mới, cải tạo điều chỉnh lộ trình tuyến và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch chi tiết, thiết kế từng tuyến xe buýt.

Điều 21. Quy định này có giá trị và được thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Giao thông vận tải để được xem xét giải quyết.

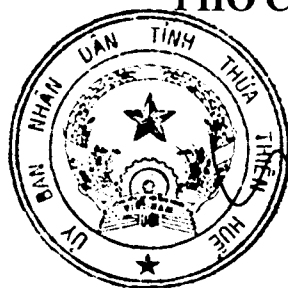
Điều 22. Quy định và Đề án quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng 2030 được lưu giữ tại các cơ quan sau đây và phổ biến để các tổ chức, cá nhân liên quan biết và thực hiện:

1. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
2. Sở Giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế
3. UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế.

Điều 23. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm được giao, các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các tổ chức liên quan có trách nhiệm lập kế hoạch tổ chức thực hiện Quy định này.

Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, theo dõi tổng hợp, định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện Quy định này, đề xuất các giải pháp xử lý các vướng mắc, những nội dung cần điều chỉnh (nếu có) trong quá trình thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Thọ